**MÔ HÌNH THÂM CANH CHÈ THEO HƯỚNG HỮU CƠ, LIÊN KẾT THEO CHUỖI GIÁ TRỊ TẠI MỘT SỐ TỈNH PHÍA BẮC**

**1. Xây dựng mô hình**

***1.1. Xây dựng mô hình thâm canh chè theo hướng hữu cơ***

- Dự án đã thực hiện xây dựng 4 mô hình thâm canh chè theo hướng hữu cơ, tại 4 tỉnh với 140 hộ tham gia, cụ thể như sau:

**Địa điểm, quy mô thực hiện mô hình thâm canh chè theo hướng hữu cơ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Địa điểm triển khai** | **Quy mô (ha)** | **Số hộ tham gia** | **Số điểm trình diễn** |
| 1 | Tuyên Quang: xã Hồng Thái, huyện Na Hang | 8 | 35 | 3 |
| 2 | Hà Giang: xã Xuân Minh, huyện Quang Bình | 8 | 35 | 3 |
| 3 | Lai Châu: xã Phúc Khoa, huyện Tân Uyên | 8 | 35 | 3 |
| 4 | Nghệ An: xã Huồi Tụ, huyện Kỳ Sơn | 8 | 35 | 3 |
| **Tổng** | **32** | **140** | **12** |

- Phương pháp triển khai:

+ Điều tra, khảo sát, lựa chọn điểm, chọn hộ tham gia xây dựng mô hình đảm bảo các tiêu chí lựa chọn địa điểm, chọn hộ tham gia dự án; ký hợp đồng xây dựng mô hình với các hộ.

\*) Tiêu chí chọn địa điểm triển khai mô hình là: nằm trong vùng không bị ô nhiễm độc chất hóa học và vi sinh vật; đánh giá, quản lý được nguy cơ tiềm ẩn trong đất đối với an toàn thực phẩm; nguồn nước không bị ô nhiễm hóa chất, hoặc chứa kim loại nặng, …; phù hợp với quy hoạch và định hướng phát triển chè của địa phương; ưu tiên chọn địa điểm có lịch sử canh tác ít sử dụng thuốc BVTV và phân bón hóa học; điểm trình diễn mô hình càng liền nhau càng tốt thuận lợi cho quá trình quản lý và thăm quan học tập phục vụ nhân rộng mô hình…; nương chè tham gia mô hình có năng suất trung bình > 4 tấn/ha đối với chè shan và năng suất trung bình > 5 tấn/ha, đang ở giai đoạn sản xuất kinh doanh;

\*) Hộ tham gia mô hình đảm bảo các tiêu chí sau: tự nguyện, có khả năng tiếp thu những tiến bộ kỹ thuật mới của Dự án; có đủ diện tích đất đáp ứng được các tiêu chí đặt ra của Dự án; ưu tiên các hộ có diện tích liền kề nhau để tạo thành điểm trình diễn tập trung, có quy mô diện tích đủ lớn; cam kết thực hiện, áp dụng đúng các nội dung kỹ thuật cũng như công nghệ mới của Dự án; có đủ điều kiện về nguồn vốn đối ứng, có khả năng huy động nhân công để triển khai Dự án; cam kết chưa nhận hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho nội dung này; cam kết tham gia mô hình liên kết sản xuất, ký hợp đồng tiêu thụ nguyên liệu với doanh nghiệp/HTX, cung cấp nguyên liệu được chăm sóc, quản lý sản xuất theo tiêu chuẩn nông nghiệp hữu cơ, có phẩm cấp theo đúng yêu cầu của các doanh nghiệp/HTX tham gia mô hình liên kết;

+ Trước khi thực hiện thâm canh, tổ chức tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật cho các hộ trực tiệp tham gia xây dựng mô hình, hướng dẫn các hộ lập hồ sơ, sổ sách ghi lại toàn bộ các hoạt động sản xuất trên mô hình.

+ Hỗ trợ vật tư, chăm sóc mô hình: Năm 2021, dự án hỗ trợ 35% tổng kinh phí vật tư chăm sóc trong năm, các hộ tham gia mô hình cam kết đối ứng đủ kinh phí mua vật tư (65%) để đảm bảo thực hiện đúng quy trình kỹ thuật. Cơ quan chủ trì sẽ thực hiện xây dựng kế hoạch cấp phát vật tư chăm sóc cho các hộ tham gia theo đúng định mức hỗ trợ của dự án theo từng năm. Vật tư được cấp phát cho các hộ dân trong mô hình để thực hiện chăm sóc theo đúng quy trình kỹ thuật.

- Để có số liệu đánh giá, so sánh hiệu quả giữa mô hình sản xuất chè theo tiêu chuẩn hữu cơ và diện tích chè thâm canh đang sản xuất bình thường, tại mỗ điểm triển khai, Cơ quan chủ trì sẽ lựa chọn diện tích đối chứng, tiến hành theo dõi để có số liệu so sánh, đánh giá. Diện tích đối chứng có cùng giống, cùng điều kiện chăm sóc ban đầu so với mô hình được lựa chọn thâm canh trong dự án.

***1.2. Xây dựng mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh, liên kết tiêu thụ sản phẩm cho các hộ tham gia thực hiện mô hình***

- Dự án đã thực hiện xây dựng 4 mô hình (1 mô hình/tỉnh) tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh, liên kết tiêu thụ sản phẩm, gắn các mô hình thâm canh của dự án (32ha, 140 hộ tham gia) với doanh nghiệp/hợp tác xã chế biến chè trên địa bàn tại 4 tỉnh triển khai dự án (tổng sản lượng chè búp bao tiêu là 120-160 tấn thu hái từ 32ha mô hình), cụ thể:

**Quy mô thực hiện mô hình liên kết**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Địa bàn triển khai dự án** | **Doanh nghiệp trực tiếp tham gia mô hình** | **Quy mô diện tích, hộ tham gia mô hình** | **Dự kiến sản lượng búp chè bao tiêu (tấn)** |
| 1 | Tuyên Quang | Công ty cổ phần chè núi Kia Tăng | 8ha, 35 hộ | 30-40 |
| 2 | Hà Giang | Công ty TNHH MTV chè Quang Bình | 8ha, 35 hộ | 30-40 |
| 3 | Lai Châu | HTX chè Phúc Khoa | 8ha, 35 hộ | 30-40 |
| 4 | Nghệ An | HTX Nông nghiệp sản xuất chè hữu cơ Huồi Tụ | 8ha, 35 hộ | 30-40 |
| **Tổng** | **32ha, 140 hộ** | **120-160** |

- Phương pháp triển khai:

+ Cơ quan chủ trì sẽ phối hợp với chính quyền địa phương nơi triển khai dự án và các hộ tham gia Mô hình tổ chức các hội nghị nhằm hỗ trợ thành lập, duy trì tổ nhóm sản xuất chè hữu cơ và thống nhất Nội quy hoạt động của tổ tại các tỉnh.

+ Cơ quan chủ trì sẽ phối hợp với các doanh nghiệp/HTX trực tiếp tham gia Mô hình trong việc chuẩn bị các điều kiện cần thiết về nhà xưởng, trang thiết bị chế biến, nguyên vật liệu năng lượng, lao động … phục vụ dự án.

+ Cơ quan chủ trì sẽ phối hợp với doanh nghiệp/HTX và các hộ tham gia mô hình thâm canh trong việc xây dựng quy chế hoạt động của Mô hình; đảm bảo nguyên liệu từ các mô hình thâm canh của dự án cung cấp cho doanh nghiệp/HTX chăm sóc theo đúng tiêu chuẩn nông nghiệp hữu cơ; giữ vai trò điều phối hoạt động thu hái nguyên liệu giữa các hộ tham gia mô hình và doanh nghiệp/HTX, cung cấp nguyên liệu đạt chất lượng về phẩm cấp theo yêu cầu của doanh nghiệp/HTX; giám sát, tham gia tư vấn cho doanh nghiệp/HTX trong việc tổ chức các hoạt động chế biến các sản phẩm chè từ nguyên liệu thu hái từ các mô hình của dự án và tiêu thụ sản phẩm; làm trung gia xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện các mô hình liên kết.

+ Các Tổ nhóm nông dân sản xuất thâm canh chè theo hướng hữu cơ và các doanh nghiệp/HTX trực tiếp tham gia mô hình tại các tỉnh thỏa thuận, thống nhất và ký kết hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm với nhau dưới sự chứng kiến của Chính quyền địa phương nơi triển khai dự án và Cơ quan chủ trì

## 2. Đào tạo, tập huấn gắn với mô hình

- Cơ quan chủ trì xây dựng kế hoạch, tài liệu và thông báo cho các hộ tham gia xây dựng mô hình về kế hoạch tổ tập huấn, đồng thời cử cán bộ kỹ thuật tổ chức tập huấn và hướng dẫn tại thực địa theo phương pháp cầm tay chỉ việc, giảng giải lý thuyết, kết hợp với thao tác, thực hành thực tế.

- Địa điểm tổ chức tại các điểm trình diễn của mô hình. Tổ chức tập huấn vào thời điểm trước khi thực hiện sản xuất mô hình.

- Nội dung, phương pháp đào tạo tập huấn, số lượng lớp/người tham gia và phân kỳ thực hiện theo từng năm được nêu cụ thể tại ***tiểu*** ***mục b*** Đào tạo tập huấn/huấn luyện thuộc ***mục 3*** Nội dung dự án của Thuyết minh dự án

- Tổ chức đào tạo tập huấn: Để tổ chức tốt mỗi lớp tập huấn, cơ quan chủ trì sẽ cử nhóm cán bộ tham gia thực hiện các công việc như chuẩn bị tài liệu, tổ chức và quản lý lớp học. Cán bộ kỹ thuật tham gia đào tạo tập huấn phải có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn phù hợp

## 3. Thông tin tuyên truyền:

Cơ quan chủ trì Dự án thực hiện thuê đơn vị chuyên môn xây dựng biển báo mô hình tại các tỉnh Tuyên Quang, Hà Giang, Lai Châu, Nghệ An để giới thiệu dự án. Biển mô hình được cắm tại các điểm trình diễn mô hình

## 4. Cán bộ chỉ đạo kỹ thuật:

Đơn vị thực hiện phân công hoặc ký hợp đồng thuê cán bộ kỹ thuật có chuyên môn để tham gia chỉ đạo mô hình. Cán bộ chỉ đạo là người hướng dẫn kỹ thuật cho các hộ nông dân tham gia mô hình theo phương pháp “Cầm tay chỉ việc” trong suốt quá trình từ khi bắt đầu đến kết thúc vụ sản xuất chè trong năm;

Hướng dẫn tổ nhóm ghi chép nhật ký số liệu, các chỉ tiêu theo dõi theo yêu cầu của dự án (cả trong mô hình và đối chứng ngoài mô hình); tổng hợp, phân tích số liệu, hoạch toán kinh tế, tổ chức rút kinh nghiệm và xây dựng báo cáo kết quả thực hiện mô hình...

**5. Kiểm tra, giám sát đánh giá**

*- Hướng dẫn triển khai mô hình:* Tổ chức chủ trì biên soạn tài liệu hướng dẫn triển khai thực hiện dự án, chọn điểm, chọn hộ, tài liệu hướng dẫn kỹ thuật, tài liệu tập huấn đào tạo; hướng dẫn các đơn vị thực hiện.

*- Kiểm tra, giám sát:* Đơn vị trực tiếp triển khai dự án thực hiện các hoạt động tự kiểm tra, đánh giá thực hiện dự án trên địa bàn. Phối hợp với các cơ quan chức năng thực hiện các hoạt động kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện dự án tại các địa phương; tổ chức nghiệm thu địa bàn tại điểm mô hình.

*- Nghiệm thu, quyết toán:* Khi kết thúc các hoạt động, Tổ chức chủ trì tổng hợp xây dựng báo cáo tổng kết toàn dự án trong năm, hoàn thiện hồ sơ chứng từ để nghiệm thu, quyết toán với Trung tâm Khuyến nông Quốc gia.

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN**

**1. Xây dựng mô hình trình diễn:**

Cơ quan chủ trì đã phối hợp với Trung tâm khuyến nông/Chi cục Trồng trọt và BVTV các tỉnh, Phòng Nông nghiệp và PTNT/Trung tâm dịch vụ Nông nghiệp các huyện và UBND các xã nơi triển khai dự án tiến hành đi khảo sát thực địa, lựa chọn địa điểm triển khai dự án, thông báo rộng rãi các nội dung của dự án cho người dân đăng ký tham gia; tổ chức họp dân để thông báo chương trình dự án khuyến nông, công khai minh bạch nguồn kinh phí hỗ trợ từng giai đoạn, đối ứng của các hộ tham gia, trách nhiệm của các hộ khi tham gia thực hiện dự án để các hộ tự nguyện đăng ký, trên cơ sở đó lựa chọn các hộ có đủ điều kiện tham gia dự án.

### *1.1.* *Mô hình thâm canh chè theo hướng hữu cơ*

Cơ quan chủ trì đã thực hiện cấp phát vật tư chăm sóc cho các hộ tham gia theo đúng định mức hỗ trợ của dự án; các hộ dân tham gia mô hình đã thực hiện đối ứng vật tư phân bón và chăm sóc mô hình theo đúng quy trình kỹ thuật của dự án.

Theo dõi một số chỉ tiêu về sinh trưởng, năng suất, sản lượng của mô hình cho kết quả số liệu được trình bày trong bảng sau:

**Đánh giá các chỉ tiêu sinh trưởng và năng suất của mô hình**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chỉ tiêu** | **Đơn vị** | **La Châu** | **Truyên Quang** | **Hà Giang** | **Nghệ An** |  **Trung bình/tổng**  |
| **Sản xuất đại trà tại địa phương** | **Mô hình của dự án** | **Sản xuất đại trà tại địa phương** | **Mô hình của dự án** | **Sản xuất đại trà tại địa phương** | **Mô hình của dự án** | **Sản xuất đại trà tại địa phương** | **Mô hình của dự án** |  **Sản xuất đại trà tại địa phương**  |  **Mô hình của dự án**  |
| 1 | Số lứa hái | Lứa hái | 7 | 6 | 6 | 5 | 5 | 6 | 5 | 6 | 5,75 | 5,75 |
| 2 | Mật độ búp trung bình | Búp/m2 | 245 | 228 | 252,5 | 229,4 | 177,8 | 181,6 | 119,4 | 173,5 | 198,68 | 203,13 |
| 3 | Số lần phun thuốc BVTV | Lần phun | 7 | 5 | 4 | 3 | 3 | 2 | 3 | 2 | 4,25 | 3,00 |
| 4 | Số lần bón phân | Lần bón | 5 | 3 | 2 | 3 | 2 | 2 | 2 | 3 | 2,75 | 2,75 |
| 5 | Năng suất | Tấn/ha | 8,2 | 6,4 | 6,8 | 5,5 | 4,20 | 4,87 | 3,70 | 4,12 | 5,73 | 5,22 |
| 6 | Tổng sản lượng chè búp tươi của Mô hình | Tấn | 65,60 | 51,20 | 54,40 | 44,00 | 33,60 | 38,96 | 29,64 | 32,96 | 183,24 | 167,12 |
| 6 | Giá nguyên liệu búp tươi | đ/kg | 6.500 | 10.000 | 20.000 | 35.000 | 14.000 | 18.000 | 7.500 | 10.000 | 12.000 | 18.250 |
| 7 | Tổng doanh thu của mô hình | tr.đ | 426,40 | 512,00 | 1.088,00 | 1.540,00 | 470,40 | 701,28 | 222,30 | 329,60 | 2.198,88 | 3.049,94 |
|  | * Tăng so với đối chứng (%)
 |  |  | 120,08 |  | 141,54 |  | 149,08 |  | 148,27 |  | 138,70 |

***Nhận xét***: Qua theo dõi đánh giá và so sánh sinh trưởng, năng suất của mô hình thâm canh sản xuất đại trà và mô hình của dự án cho thấy: về mức độ đầu tư chăm sóc, trong các điểm triển khai dự án, Lai Châu có mức độ đầu tư chăm sóc cao nhất (5 lần bón phân/năm, 7 lần phun thuốc/năm); các tỉnh còn lại thực hiện bón phân 2 lần/năm, phun thuốc 2-4 lần/năm, tuy nhiên hầu hết bón với lượng thấp, không đảm bảo theo quy trình, phun thuốc khi có xuất hiện sâu hại với triệu chứng trên lá nặng, không kịp thời. Các mô hình của dự án thực hiện bón phân chia làm 3 đợt/năm, phun thuốc dựa trên điều tra dự tính, dự báo mật độ sâu hại; phun phòng là chính, chỉ phun khi mật độ sâu hại vượt ngưỡng phòng trừ.

Về số lần hái và mật độ búp: Lai Châu có số lứa hái/ năm nhiều nhất (7 lứa), sau đó đến Tuyên Quang (6 lứa), Hà Giang và Nghệ An (5 lứa). Mô hình tại Lai Châu và Tuyên Quang có số lứa hái giảm (1 lứa so đối chứng), nguyên nhân do trước khi triển khai dự án, diện tích mô hình được người dân quan tâm, đầu tư chăm sóc, sử dụng chủ yếu phân hóa học; nên khi thực hiện dự án, không sử dụng phân vô cơ, chỉ sử dụng phân hữu cơ vi sinh đã làm cho số lứa hái và mật độ búp giảm so với đối chứng (lứa hái: giảm từ 7 xuống còn 6 tại Lai Châu, giảm từ 6 xuống còn 5 tại Tuyên Quang; mật độ búp: giảm từ 245 búp/m2 xuống còn 228 búp/m2 tại Lai Châu, giảm từ 252,5 búp/m2 xuống còn 229,4 búp/m2 tại Tuyên Quang). Ngược lại tại Nghệ An và Hà Giang, số lứa hái của mô hình tăng so với đối chứng; nguyên nhân có thể là do, diện tích mô hình trước khi triển khai dự án không được đầu tư chăm sóc, các tham gia chủ yếu là đồng bào dân tộc H’Mông, trình độ canh tác thấp, tập quán canh tác quản canh, nên khi tham gia dự án, được bón bổ sung dinh dưỡng đã làm cho số lứa hái và mật độ búp tăng hơn so với đối chứng (lứa hái: tăng từ 5 lên 6 lứa/năm; mật độ búp: tăng từ 177,8 búp/m2 lên 181,6 búp/m2 tại Hà Giang, tăng từ 119,4 búp/m2 lên 173,5 búp/m2 tại Nghệ An).

Về năng suất: tại Lai Châu và Tuyên Quang, năng suất chè của mô hình giảm so với sản xuất đại trà, trong đó Lai Châu giảm 28,12% (từ 8,2 tấn/ha xuống còn 6,4 tấn/ha), Tuyên Quang giảm 23,64% (từ 6,8 tấn/ha xuống còn 5,5 tấn/ha). Ngược lại, tại Hà Giang và Nghệ An, năng suất chè mô hình tăng so với đối chứng, trong đó, Hà Giang tăng 15,95% (từ 4,20 tấn/ha lên 4,87 tấn/ha), Nghệ An tăng 11,35% (từ 3,70 tấn/ha lên 4,12 tấn/ha). Tổng sản lượng chè búp tươi thu được từ 32 ha chè mô hình của dự án là 167,12 tấn.

Về hiệu quả kinh tế doanh thu: doanh thu từ mô hình của dự án tăng 20,08-49,08%, trong đó tăng cao nhất là mô hình tại Hà Giang và Nghệ An (48,27-49,08%), sau đó đến Tuyên Quang (41,54%), thấp nhất tại Lai Châu (20,08%); tính chung cả dự án, tổng doanh thu từ mô hình tăng 38,70% so với sản xuất đại trà.

### *1.2.* *Mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh, liên kết tiêu thụ sản phẩm cho các hộ tham gia thực hiện mô hình*

Toàn bộ nguyên liệu búp, thu hái từ mô hình được chăm sóc, quản lý sản xuất theo tiêu chuẩn hữu cơ của dự án; phẩm cấp nguyên liệu thu hái theo yêu cầu của các doanh nghiệp/HTX trực tiếp tham gia mô hình liên kết tại các tỉnh.

Số lượng nguyên liệu búp tươi thu mua theo mô hình liên kết thể hiện tại bảng sau:

**Sản lượng và giá thu mua nguyên liệu từ các Mô hình liên kết**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Địa bản triển khai mô hình** | **Sản lượng bao tiêu (tấn)** | **Giá thu mua chè búp (đ/kg)** |
| **Kế hoạch bao tiêu**  | **Thực hiện**  | **Mức độ hoàn thành** | **Trong mô hình** | **Ngoài mô hình** |
| 1 | La Châu: HTX chè Phúc Khoa liên kết với 35 hộ tham gia mô hình thâm canh 8ha | 30-40 | 51,2 | vượt | 10.000 | 6.500 |
| 2 | Truyên Quang: Công ty CP chè núi Kia Tăng liên kết với 35 hộ tham gia mô hình thâm canh 8ha | 30-40 | 44,0 | vượt | 35.000 | 20.000 |
| 3 | Hà Giang: Công ty TNHH MTV chè Quang Bình liên kết với 35 hộ tham gia mô hình thâm canh 8ha | 30-40 | 39,0 | đạt | 14.000 | 18.000 |
| 4 | Nghệ An: HTX Nông nghiệp sản xuất chè hữu cơ Huồi Tụ liên kết với 35 hộ tham gia mô hình thâm canh 8ha | 30-40 | 33,0 | đạt | 7.500 | 10.000 |
| **Tổng** | **120-160** | **167,1** |  |  |  |

Qua số liệu theo dõi cho thấy:

Về sản lượng chè búp tươi được bao tiêu: tổng sản lượng chè búp tươi được bao tiêu trong mô hình đạt 167,1 tấn, vượt so với mục tiêu đề ra (120-160 tấn), trong đó: Mô hình tại Lai Châu và Tuyên Quang vượt so với kế hoạch (Lai Châu: vượt 11,2 tấn, Tuyên Quang: vượt 4 tấn), Hà Giang và Nghệ An đạt so với kế hoạch.

Về giá thu mua nguyên liệu: nguyên liệu thu hái từ mô hình thâm canh chè theo hướng hữu cơ của dự án có giá bán nguyên liệu từ 10.000-35.000đ/kg, trong đó cao nhất tại Tuyên Quang (35.000đ/kg), thấp nhất tại Nghệ An và Lai Châu (10.000 đ/kg), trung bình đạt 18.250 đ/kg, tăng 52,05% so với giá thu mua nguyên liệu phổ biến tại địa phương (trung bình đạt 12.000 đ/kg, biến động từ 6.500-20.000đ/kg, trong đó cao nhất tại Tuyên Quang, thấp nhất tại Lai Châu).

Mặc dù thị trường chè khô cũng như chè búp tươi biến động mạnh do bị ảnh hưởng tiêu cực bởi đại dịch COVID-19 nhưng các hộ tham gia các mô hình liên kết của dự án đều được bao tiêu hết nguyên liệu sản xuất được từ mô hình, với giá cao hơn so với sản xuất đại trà, giúp củng cố thêm tính bền vững và ổn định của mô hình liên kết.

**2. Đào tạo, tập huấn gắn với mô hình và tập huấn ngoài mô hình**

- Cơ quan chủ trì đã tổ chức 4 lớp tập huấn gắp với mô hình, cho 140 hộ tham gia mô hình tại 4 tỉnh triển khai dự án, cụ thể như sau:

**Số lượng quy mô tập huấn gắn với mô hình**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Địa điểm triển khai** | **Số lớp** **(lớp)** | **Số ngày** **(ngày)** | **Số người tham gia (người)** |
| 1 | Tuyên Quang | 1 | 1 | 35 |
| 2 | Hà Giang | 1 | 1 | 35 |
| 3 | Lai Châu | 1 | 1 | 35 |
| 4 | Nghệ An | 1 | 1 | 35 |
|  | **Tổng** | **4** |  | **140** |

- Nội dung tập huấn:

+ Kỹ thuật trồng thâm canh chè theo hướng hữu cơ

+ Tiêu chuẩn nông nghiệp hữu cơ TCVN 11041-2:2017 về Trồng trọt hữu cơ

+ Quản lý sản xuất chè theo tiêu chuẩn TCVN 11041-6:2018 về chè hữu cơ

+ Kỹ thuật chế biến chè; quản lý, vệ sinh chế biến theo tiêu chuẩn hữu cơ

Các học viên sau khi được tập huấn, 100% hộ nông dân tham gia nắm chắc được quy trình kỹ thuật để áp dụng trong sản xuất của mô hình.

***1.3. Bố trí cán bộ chỉ đạo kỹ thuật***

Cơ quan chủ trì đã ký hợp đồng thuê 8 cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình, trong đó có 1 cán bộ kỹ thuật của Đơn vị phối hợp (Trung tâm Khuyến nông/Chi Cục Trồng trọt và BVTV các tỉnh triển khai dự án); mỗi tỉnh có 2 cán bộ kỹ thuật chỉ đạo; thời gian chỉ đạo là 8 tháng/người

Các cán bộ kỹ thuật đã thường xuyên có mặt tại mô hình, hướng dẫn các hộ tham gia chăm sóc chè theo quy trình kỹ thuật của dự án; ghi chép nhật ký số liệu, theo dõi các chỉ tiêu sinh trưởng, năng suất, sâu bệnh… theo yêu cầu của dự án; phân tích, tổng hợp số liệu, tổ chức rút kinh nghiệm và báo cáo kết quả thực hiện mô hình...

**3. Thông tin tuyên truyền**

Cơ quan chủ trì đã thiết kế xây dựng 8 bảng biển Pano (2 bảng biển/tỉnh) nhằm giới thiệu về mô hình

**4. Kiểm tra, giám sát đánh giá**

Trong quá trình thực hiện Dự án, Cơ quan chủ trì dự án thường xuyên kiểm tra, giám sát định kỳ toàn bộ các nội dung thực hiện của các đơn vị tham gia thực hiện Dự án từ khi bắt đầu đến khi kết thúc dự án.

Phối hợp với các cơ quan quản lý ngành tại Trung ương, địa phương, chính quyền xã và các đơn vị liên quan để kiểm tra, đánh giá việc thực hiện dự án theo kế hoạch hoặc đột xuất. Vào thời điểm kết thúc vụ trong năm, đơn vị chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức nghiệm thu địa bàn tại điểm mô hình.

**5. Đánh giá chung kết quả thực hiện dự án**

***- Những kết quả, sản phẩm chính của dự án đã đạt được:***

Dự án đã hoàn thành đúng tiến độ, nội dung theo kế hoạch, phù hợp thời gian, đảm bảo tiến độ giải ngân theo đúng nguyên tắc tài chính đã quy định. Dự án đã đạt được kết quả với các sản phẩm chính như sau:

+ Đã xây dựng được 32 ha mô hình thâm canh chè tại các tỉnh Tuyên Quang, Hà Giang, Lai Châu, Nghệ An với tổng sô 140 hộ tham gia (35 hộ/tỉnh). Mô hình sinh trưởng, phát triển tốt, năng suất đạt 4,12-6,40 tấn/ha, vượt so với mục tiêu của mô hình; hiệu quả kinh tế tổng doanh thu từ mô hình tăng 38,70% so với sản xuất đại trà.

+ Đối với mô hình liên kết: 4 mô hình liên kết tổ chức quản lý sản xuất, tiêu thụ sản phẩm hoạt động tốt; tổng lượng chè búp tươi được bao tiêu là 167,1 tấn; giá bán nguyên liệu tăng trung bình 52,05%; mặc dù bị ảnh hưởng do dịch COVID-19 nhưng các hộ tham gia mô hình liên kết vẫn được bao tiêu toàn bộ nguyên liệu.

+ Đã tập huấn trong mô hình cho 140 hộ tham gia gắn với mô hình; các hộ được tập huấn đều nắm vững quy trình, triển khai áp dụng trong thực tế

+ Đã lắp 8 biển báo mô hình (2 biển/tỉnh): cung cấp thông tin, giới thiệu về mô hình, các điểm trình diễn của mô hình tại các tỉnh.

+ Các báo cáo tiến độ và báo cáo tổng kết thực hiện các nội dung theo đúng thời gian quy định gửi cho ban quản lý dự án và cơ quan chủ trì dự án làm căn cứ tổng hợp chung.

***- Những tồn tại, nguyên nhân:***

+ Nhận thức của một số hộ nông dân chưa hiểu hết ý nghĩa và tầm quan trọng trong việc sản xuất nông nghiệp bền vững, bảo vệ sức khỏe con người và môi trường sinh thái, giá trị của sản xuất nông nghiệp theo hướng hữu cơ nói chung và sản xuất chè hữu cơ nói riêng, do đó công tác vận động tuyên truyền nâng cao ý thức còn gặp nhiều khó khăn, đặc biệt đối với các hộ tham gia là đồng bào dân tộc vùng cao.

+ Vẫn còn một số diện tích các hộ tham gia không tập trung thành từng vùng, nằm phân tán rải rác, ảnh hưởng không nhỏ đến công tác chỉ đạo kỹ thuật đặc biệt là vấn đề phòng trừ sâu bệnh gây hại trên chè.

+ Thị trường tiêu thụ chưa phân biệt sản phẩm sản xuất theo hữu cơ với các sản phẩm sản xuất đại trà vì vậy, nếu không tham gia mô hình liên kết, không có sự cam kết tham gia của các doanh nghiệp/HTX thì giá bán chưa thực sự hấp dẫn với các hộ tham gia mô hình.

+ Tình hình dịch viêm đường hô hấp cấp Covid 19 diễn biến phức tạp ảnh hưởng lớp đến tình hình tiêu thụ chè, giá thấp ảnh hưởng không nhỏ đến các nội dung triển khai vận động các hộ thực hiện; dịch COVID19 hạn chế đi lại giữa các địa phương, ảnh hưởng đến công tác chỉ đạo của cán bộ kỹ thuật của dự án, đôi khi công tác chỉ đạo không được kịp thời

***- Bài học kinh nghiệm:***

+ Cần tuyên truyền sâu rộng các nội dung hoạt động, hình thức hoạt động để người dân nâng cao nhận thức về sản xuất chè theo hướng hữu cơ nói riêng và sản xuất nông nông nghiệp theo hướng hữu cơ nói chung

+ Cần có sự phối hợp kết chặt chẽ, thông tin kịp thời giữa cơ quan chủ trì với Các đơn vị phối hợp đặc biệt là hệ thống khuyến nông cơ sở và chính quyền địa phương

+ Đối với mô hình liên kết: để tăng tính bền vững, hiệu quả của mô hình, việc lựa chọn các doanh nghiệp/HTX có năng lực đủ mạnh, thị trường tiêu thụ ổn định là cần thiết nhằm thúc đầy và hỗ trợ hình thành mối liên kết bền vững giữa sản xuất nguyên liệu với chế biến và tiêu thụ sản phẩm

**HIỆU QUẢ VÀ KHẢ NĂNG NHÂN RỘNG**

**1. Hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường**

- Dự án bước đầu cho thấy mang lại hiệu quả kinh tế cao, do vậy sẽ được người dân nhân rộng, từ góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất chè, thu hút lao động làm chè góp phần giải quyết việc làm, tạo thu nhập ổn định cho người dân trồng chè, nhất là đồng bào các dân tộc vùng đồi núi, góp phần xóa đói, giảm nghèo, mức sống được cải thiện, ổn định đời sống và an sinh xã hội.

- Dự án góp phần nâng cao năng lực cho cán bộ khuyến nông cơ sở tham gia dự án, nhận thức của cộng đồng về phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng hữu cơ nói chung và sản xuất chè theo hướng hữu cơ nói riêng; làm thay đổi một số thói quen canh tác cũ, nhằm bảo tồn nguồn thiên địch, môi trường, cân bằng hệ sinh thái, sản xuất nông nghiệp mang tính bền vững, góp phần giữ gìn, bảo vệ tài nguyên đất, nước, môi trường bền vững. Hình thành các vành đai cây xanh, đảm bảo môi trường sinh thái cho các vùng trồng chè.

**2. Khả năng mở rộng của dự án**

Vùng triển khai dự án chủ yếu là địa bàn vùng cao, tập quán canh tác chè của người dân địa phương chủ yếu dựa vào khai thác tự nhiên là chính, nếu cón chăm sóc, lượng vật tư cung cấp cho mô hình rất nhỏ so với quy trình; ít sử dụng thuốc BVTV, do vậy tiềm năng sản xuất chè hữu cơ là rất lớn. Sản xuất nông nghiệp hữu cơ nói chung và sản xuất chè nói riêng là xu hướng sản xuất chính trong giai đoạn tới, do vậy dự án có tiềm năng mở rộng.

Năm 2021 là năm đầu tiên triển khai nên việc nhân rộng mô hình còn hạn chế, tuy nhiên với việc áp dụng quy trình kỹ thuật thâm canh theo tiêu chuẩn hữu cơ bước đầu cho thấy được hiệu quả từ đó mạnh dạn đầu tư mở rộng diện tích vì vậy khả năng nhân rộng của mô hình là rất lớn. Kết quả mô hình được bà con nông dân ngoài mô hình tiếp nhận ứng dụng nhân rộng vào sản xuất sau khi dự án kết thúc.

**KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ**

**1. Kết luận**

- Đã xây dựng được 32 ha mô hình thâm canh chè tại các tỉnh Tuyên Quang, Hà Giang, Lai Châu, Nghệ An với tổng sô 140 hộ tham gia (35 hộ/tỉnh); năng suất đạt 4,12-6,40 tấn/ha, hiệu quả kinh tế doanh thu của mô hình tăng 20,07-49,08% so với đối chứng tại địa phương, đạt mục tiêu của dự án.

- Đã xây dựng được 4 mô hình liên kết tổ chức quản lý sản xuất, tiêu thụ sản phẩm hoạt động tốt; tổng lượng chè búp tươi được bao tiêu là 167 tấn; giá bán nguyên liệu tăng trung bình 52,05%;

- Đã tập huấn thông qua mô hình cho 140 lượt người, các học viên đều nắm được quy trình tập huấn, vận dụng triển khai trong thực địa, đạt mục tiêu dự án

- Xây dựng 8 biển báo mô hình (2 biển/tỉnh), đảm bảo chất lượng, đạt mục tiêu dự án

**2. Đề nghị**

- Đối với các hộ dân tham gia mô hình cần tuân thủ quy trình kỹ thuật trồng chè theo hướng hữu cơ như đã được tập huấn kỹ thuật.

- Cần tiếp tục theo dõi mô hình những năm sau của các vườn chè tham gia mô hình về sinh trưởng, năng suất, phẩm chất và khả năng chống chịu sâu bệnh.